

Số: /SYT-TTKSBT
V/v tăng cường tiêm vắc xin phòng
COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 17 tuổi

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ báo cáo rà soát đối tượng và kết quả tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 mũi 3 cho trẻ từ 12 đến dưới 17 tuổi; mũi 1, 2 cho trẻ từ 5 đến dưới 11 tuổi đến ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân các quận, huyện (*Phụ lục gửi kèm*).

Để đạt mục tiêu trên 90% trẻ em trong độ tuổi từ 12 đến dưới 18 tuổi được tiêm mũi 3; trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi được tiêm đủ liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19; Sở Y tế đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trong ngành Giáo dục thực hiện một số nội dung sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho các bậc phụ huynh về lợi ích của tiêm chủng phòng bệnh, việc cần thiết phải đi tiêm chủng đúng lịch, đủ liều.

- Thực hiện rà soát, lập danh sách các trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi chưa tiêm đủ liều cơ bản, trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi chưa tiêm mũi 3. Phối hợp với các đơn vị y tế cơ sở (Trung tâm Y tế quận, huyện, Trạm Y tế xã, phường tổ chức tiêm chủng cho trẻ).

- Tổng hợp số liệu sau rà soát từ các đơn vị trong ngành Giáo dục theo từng trường gửi cho Sở Y tế (qua Trung tâm kiểm soát bệnh tật) **trước ngày 10/10/2022** để có căn cứ dự trữ và cấp phát vắc xin cho các đơn vị tổ chức tiêm chủng cho trẻ.

Đây là nhiệm vụ cấp bách, Sở Y tế đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP; (để báo cáo)
- GD, các PGD SYT;
- Phòng NVY - SYT;
- Lưu: VT, TTKSBT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Huy Thục

Phụ lục 1: Tổng hợp tiêm vắc xin COVID-19 cho trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi
(Kèm theo Công văn số: /SYT-TTKSBT ngày /10/2022)

TT	Xã/Phường	Số đối tượng	Đã tiêm mũi 1	Đã tiêm mũi 2	Số đối tượng đủ điều kiện tiêm mũi 3 (*)	Tiêm Mũi 3		Số còn phải tiêm mũi 3
						Đã tiêm	Đạt tỷ lệ (%)	
1	An Dương	16.970	16.541	16.206	16.206	13.228	81,62	2.978
2	An Lão	13.680	13.588	13.223	13.223	12.244	92,60	979
3	Cát Hải	2.280	2.315	1.938	1.938	1.112	57,38	826
4	Dương Kinh	3.734	3.728	3.714	3.714	2.878	77,49	836
5	Hải An	13.891	13.261	12.102	12.008	9.115	75,91	2.893
6	Hồng Bàng	8.235	7.965	7.826	7.826	6.416	81,98	1.410
7	Kiến Thụy	8.732	8.698	8.657	8.657	8.502	98,21	155
8	Lê Chân	18.667	18.160	17.565	17.565	14.274	81,26	3.291
9	Ngô Quyền	13.755	12.748	12.084	12.084	7.636	63,19	4.448
10	Tiên Lãng	13.833	13.356	12.801	12.801	9.646	75,35	3.155
11	Thủy Nguyên	22.824	21.835	20.341	20.336	19.530	96,04	806
12	Vĩnh Bảo	13.919	13.530	12.318	12.685	11.731	92,48	954
13	Kiến An	13.070	12.945	11.900	11.912	8.927	74,94	2.985
14	Đồ Sơn	3.873	3.849	3.807	3.807	2.801	73,57	1.006
15	Bạch Long Vỹ	15	15	15	15	15	100,00	0
Cộng		167.478	162.534	154.497	154.777	128.055	82,74	26.722

Phụ lục 2: Tổng hợp tiêm vắc xin COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi
(Kèm theo Công văn số: /SYT-TTKSBT ngày /10/2022)

TT	Xã/Phường	Số đối tượng	Tiêm mũi 1		Tiêm mũi 2		Số còn phải tiêm mũi 1	Số còn phải tiêm mũi 2
			Đã tiêm	Đạt tỷ lệ (%)	Đã tiêm	Đạt tỷ lệ (%)		
1	An Dương	23.245	19.914	85,67	15.001	64,53	3.331	8.244
2	An Lão	18.353	18.149	98,89	15.267	83,19	204	3.086
3	Cát Hải	3.307	2.302	69,61	1.084	32,78	1.005	2.223
4	Dương Kinh	7.276	6.474	88,98	5.546	76,22	802	1.730
5	Hải An	17.639	14.237	80,71	10.130	57,43	3.402	7.509
6	Hồng Bàng	8.807	5.496	62,40	3.718	42,22	3.311	5.089
7	Kiến Thụy	18.657	17.753	95,15	14.016	75,12	904	4.641
8	Lê Chân	19.439	15.672	80,62	13.208	67,95	3.767	6.231
9	Ngô Quyền	16.503	10.445	63,29	7.501	45,45	6.058	9.002
10	Tiên Lãng	18.752	18.444	98,36	14.637	78,06	308	4.115
11	Thủy Nguyên	35.129	34.537	98,31	23.368	66,52	592	11.761
12	Vĩnh Bảo	22.500	21.289	94,62	14.679	65,24	1.211	7.821
13	Kiến An	13.138	10.603	80,70	9.140	69,57	2.535	3.998
14	Đồ Sơn	4.394	3.507	79,81	2.230	50,75	887	2.164
15	Bạch Long Vỹ	17	17	100,00	8	47,06	0	9
Cộng		227.156	198.839	87,53	149.533	65,83	28.317	77.623